

Nghị quyết số: 249/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1061/TTr-CP ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, Báo cáo thẩm tra số 1417/BC-UBVHXXH15 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội, Báo cáo số 1190/BC-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu thực hiện Chương trình:

a) Mục tiêu tổng quát:

Chuẩn hóa, hiện đại hóa toàn diện hệ thống giáo dục và đào tạo, tạo bước chuyển căn bản, mạnh mẽ về chất lượng giáo dục và đào tạo; mở rộng cơ hội học tập cho mọi người dân, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, quyền được học tập suốt đời; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu nhân lực, đặc biệt là nhân

lực chất lượng cao cho sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2030 phấn đấu đạt 04 nhóm mục tiêu cụ thể sau đây:

(1) Xây dựng mạng lưới trường mầm non, trường phổ thông công lập, phấn đấu cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh; từng bước bảo đảm cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; phấn đấu kiên cố hóa 100% phòng học, bảo đảm đủ nhà công vụ cho giáo viên tại các địa bàn khó khăn; 30% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có thiết bị để triển khai thực hiện dạy và học một số môn bằng tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học;

(2) Đầu tư trọng điểm cho 18 trường cao đẳng, trong đó 06 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia và 12 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; đầu tư cho khoảng 30 trường cao đẳng để đào tạo ít nhất 20 ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN;

(3) Từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Phấn đấu 50% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn, ít nhất 30 cơ sở giáo dục đại học được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á; 08 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 200 đại học hàng đầu châu Á và 01 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số ngành, lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín; hình thành 10 trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm;

(4) Đầu tư hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng, năng lực của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chủ động chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và phát triển toàn diện người học.

- Đến năm 2035 đạt 04 nhóm mục tiêu cụ thể sau đây:

(1) Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông: 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu; các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có thiết bị dạy học để triển khai thực hiện dạy và học một số môn bằng tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học;

(2) Đối với giáo dục nghề nghiệp: Phát triển khoảng 60 trường cao đẳng tiếp cận trình độ các nước ASEAN - 4 và 06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20; phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để có khoảng 200 ngành, nghề trọng điểm, trong đó 15 đến 20 ngành, nghề có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực ASEAN và thế giới;

(3) Đối với giáo dục đại học: Phát triển hệ thống giáo dục đại học hiện đại, ngang tầm khu vực về đào tạo chất lượng cao, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo: Phân đầu 100% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn, ít nhất có 12 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 200 đại học hàng đầu châu Á và 02 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số ngành, lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín;

(4) Tiếp tục bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng, năng lực của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học.

2. Phạm vi và thời gian thực hiện Chương trình:

a) Phạm vi: Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước;

b) Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2035.

3. Đối tượng thụ hưởng:

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập (không bao gồm các trường: Hữu nghị T78, Hữu nghị 80, Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Dự bị đại học, Phổ thông dân tộc nội trú, Phổ thông dân tộc bán trú và 248 trường phổ thông nội trú liên cấp ở các xã biên giới đất liền được đầu tư bằng các nguồn vốn khác);

b) Trẻ em, học sinh, sinh viên, người học, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Kinh phí thực hiện Chương trình:

a) Giai đoạn 2026 - 2030:

Tổng các nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 là 174.673 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 100.000 tỷ đồng (chiếm 57,25%), bao gồm:
 - + Vốn đầu tư công: 85.000 tỷ đồng;
 - + Kinh phí thường xuyên: 15.000 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 45.101 tỷ đồng (chiếm 25,82%), bao gồm:
 - + Vốn đầu tư công: 41.143 tỷ đồng;
 - + Kinh phí thường xuyên: 3.958 tỷ đồng.

- Vốn đối ứng của các trường đại học và cao đẳng: khoảng 20.429 tỷ đồng (chiếm 11,7%).

- Nguồn vốn khác: khoảng 9.143 tỷ đồng (chiếm 5,23%).

Trong quá trình điều hành, Chính phủ bảo đảm ngân sách trung ương tối thiểu quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết này, tiếp tục cân đối ngân sách trung ương, bố trí thêm nguồn lực từ tăng thu, tiết kiệm chi hằng năm và các nguồn vốn khác để ưu tiên bổ sung vốn cho Chương trình, bảo đảm đủ nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của ngành giáo dục và đào tạo; có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn hợp pháp để thực hiện;

b) Giai đoạn 2031 - 2035: Căn cứ kết quả thực hiện của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, Chính phủ trình Quốc hội quyết định nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2031 - 2035.

Tổng các nguồn lực huy động để thực hiện toàn bộ Chương trình giai đoạn 2026 - 2035 dự kiến khoảng 580.133 tỷ đồng.

5. Tập trung nguồn lực của Chương trình để giải quyết các vấn đề cấp thiết sau đây:

a) Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông: Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu phân đầu bảo đảm đạt mức chuẩn tối thiểu theo quy định; các địa phương có điều kiện tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt mức chuẩn cao hơn;

b) Đối với giáo dục nghề nghiệp: Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nhà xưởng, thiết bị thực hành và hạ tầng đào tạo hiện đại, mở rộng quy mô đào tạo;

c) Đối với giáo dục đại học: Đầu tư nâng cấp, mở rộng không gian phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và hạ tầng chuyển đổi số của các trường đại học trọng điểm;

d) Đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học: Triển khai các chương trình bồi dưỡng, đào tạo lại và nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực số, ngoại ngữ và kỹ năng sư phạm hiện đại cho đội ngũ nhà giáo; tăng cường năng lực quản trị, quản lý đổi mới sáng tạo cho cán bộ quản lý giáo dục; phát triển các năng lực cốt lõi, kỹ năng số, phẩm chất toàn diện cho người học, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chủ động chuyển đổi số, hội nhập quốc tế.

6. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương và địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia phần ngân sách địa phương hưởng 100% nhưng không nhận bổ sung cân đối từ

ngân sách trung ương thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm căn cứ trên tỷ lệ mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các địa phương theo Nghị quyết của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm 2026.

Ưu tiên hỗ trợ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, hải đảo, các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương từ 60% trở lên;

b) Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định phân bổ theo thẩm quyền, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về đối tượng, nội dung, nhiệm vụ chi với các chương trình mục tiêu quốc gia khác;

c) Nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, dự án được giao của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật.

Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp bố trí vốn đối ứng từ nguồn thu hợp pháp theo quy định và tùy theo điều kiện của từng trường để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, dự án được giao;

d) Việc phân bổ ngân sách trung ương hằng năm cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện Chương trình bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình, kế hoạch vốn giai đoạn 05 năm, tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

7. Cơ chế, chính sách đặc thù trong thực hiện Chương trình:

a) Quốc hội quyết định phân bổ chi ngân sách trung ương, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán, kế hoạch cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo tổng vốn Chương trình, bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, dự án thành phần, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình theo định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước các cấp quyết định điều chỉnh kinh phí (bao gồm: kinh phí được giao trong năm, kinh phí chuyển nguồn từ năm trước) từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi để thực hiện các nội dung, hoạt động khác thuộc Chương trình theo phạm vi quản lý bảo đảm không vượt tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên đã được cấp có thẩm quyền giao;

b) Trong quá trình thực hiện Chương trình, Chính phủ được chủ động phân bổ và điều chỉnh kinh phí thực hiện Chương trình trong phạm vi tổng mức vốn được Quốc hội quyết định;

c) Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.

8. Giải pháp và cơ chế quản lý, điều hành Chương trình:

a) Ban hành các văn bản hướng dẫn, cơ chế, chính sách về quản lý, chuyên môn kỹ thuật để thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ các hoạt động của Chương trình;

b) Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở trung ương; Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cấp tỉnh. Căn cứ điều kiện thực tế, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hệ thống cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình ở trung ương và địa phương bảo đảm tinh gọn, hiệu quả và không phát sinh đầu mối quản lý nhà nước, không làm tăng biên chế;

c) Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động nguồn lực, bố trí đủ và kịp thời vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương; huy động tối đa các nguồn vốn hợp pháp khác; bảo đảm đủ nguồn nhân lực tham gia thực hiện Chương trình. Quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương cấp xã, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các nội dung và xây dựng cơ sở dữ liệu của Chương trình.

Điều 2

1. Giao Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền văn bản để thực hiện Chương trình;

b) Chỉ đạo Bộ, ngành liên quan ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình;

c) Hằng năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Chương trình tại thời điểm cuối năm hoặc theo yêu cầu của Quốc hội; năm 2030, tổng kết việc thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và đề xuất Chương trình cho giai đoạn 2031 - 2035.

2. Giao Thủ tướng Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Căn cứ mục tiêu thực hiện Chương trình quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này, xác định rõ mục tiêu hằng năm để thực hiện, phân đầu hoàn thành mục tiêu đề ra;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình; chỉ đạo địa phương thực hiện cân đối, huy động và sử dụng các nguồn lực bảo đảm hiệu quả thực hiện Chương trình.

Điều 3

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đầu tư Chương trình theo quy định của pháp luật về đầu tư công và Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cân đối, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác theo điều kiện của từng địa phương để thực hiện Chương trình trên địa bàn, phấn đấu hoàn thành mục tiêu đã được phê duyệt.

3. Các địa phương không nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình, có trách nhiệm bố trí đủ ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 4

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Chương trình.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025. 



CHỦ TỊCH QUỐC HỘI


Trần Thanh Mẫn

